TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2019/HNGĐ-ST Ngày 30-5-2019 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Trung.

Ông Huỳnh Trung Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 30/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: TT. T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Lê Văn B, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp..

Chị N có mặt. Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B chung sống với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn nên ly thân từ năm 2009 đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Văn B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh B có 01 con chung là Lê Nguyễn Quốc T (sinh ngày 28/9/2001). Hiện nay, Quốc T đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng Quốc T, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N trình bày không có.

Về nợ chung: Chị N trình bày không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, không có ý kiến gì thêm

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo biên bản hòa giải ngày 13/5/2019 anh Lê Văn B có ý kiến như sau:

Anh và chị N chung sống năm 1995, không có đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Hiện nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh B có 01 con chung là Lê Nguyễn Quốc T (sinh ngày 28/9/2001). Hiện nay, Quốc T đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh B đồng ý giao cháu Quốc T cho chị N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn anh Lê Văn B hiện nay đang trú tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Lê Văn B là bị đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự: Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B. Tại phiên tòa hôm nay, anh B vắng mặt nhưng theo văn bản ý kiến anh đồng ý ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn kiên quyết ly hôn, mặc dù Hội đồng xét xử đã rất cố gắng động viên, hàn gắn nhưng chị N vẫn không thay đổi ý kiến. Từ đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa

hai bên đã quá trầm trọng, tình cảm không còn. Tại phiên tòa hôm nay, chị N trình bày vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Theo văn bản ý kiến của anh thì từ khi sống chung đến nay giữa anh và chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, không công nhận chị N và anh B là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh B có 01 con chung là Lê Nguyễn Quốc T (sinh ngày 28/9/2001). Hiện nay, Quốc T đang sống với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Quốc T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh B cũng đồng ý giao cháu Quốc T cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Quốc T sống chung với chị N; mặt khác nguyện vọng của cháu là được sống với chị N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Quốc T, căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Quốc T cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị N không yêu cầu).

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh B đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh B đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn B là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Quốc T (sinh ngày 28/9/2001) cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị N không yêu cầu). Anh Lê Văn B được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu Quốc T, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số BH/2018/0000458, quyển số 0000010 ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang